

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DSST
Ngày: 20-6-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Ngọc Tuyết và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Đặng Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 14/01/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần..... Địa chỉ: 35, quận ..., thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T...., chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Xuân Ph...., chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP làm đại diện.

Ông Ph... ủy quyền lại cho bà Phan Thị Hồng V..., chức vụ: Chuyên viên QLKH - Ngân hàng TMCP làm đại diện theo quyết định ủy quyền số 2400/QĐ-..... ngày 29/12/2021. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ông Lê Ngọc N, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/12/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bà V trình bày: Ngày 26/01/2016, giữa Ngân hàng TMCP...gọi tắt: Ngân

hàng) và ông Lê Ngọc N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 08/2016/7853944/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho ông N vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 26/01/2016), mục đích vay: mua sắm thiết bị gia đình; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng 01 lần kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên (vào ngày 01 của tháng điều chỉnh) theo nguyên tắc bằng lãi suất của Ngân hàng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất hiện hành: 10,5%/năm. Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng tự điều chỉnh lãi suất mà không cần phải thông báo cho bên vay. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Kế hoạch trả nợ: Trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 10 hàng tháng: trong đó số tiền trả nợ gốc hàng tháng là 1.050.000 đồng, tháng cuối cùng phải trả là 650.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế. Phương thức trả nợ: Tự động trừ vào tài khoản số 5900000431522 của ông N tại Ngân hàng thương mại cổ phần

Trong quá trình vay vốn, ông N đã trả được 07 tháng tiền nợ gốc và lãi, tính đến ngày 10/8/2016 do ông N không trả nợ như cam kết nên số tiền vay chuyển sang nợ quá hạn. Nhiều lần Ngân hàng liên hệ ông N để yêu cầu trả nợ nhưng ông N cố tình né tránh và không trả nợ, tính đến ngày 20/6/2022 ông N còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 51.736.479 đồng, trong đó nợ gốc là 26.950.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.154.258 đồng, nợ lãi quá hạn 5.630.221 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bị đơn ông N phải trả tổng cộng số tiền 49.163.898 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08/2016/7853944/HĐTD ngày 26/01/2016 mà hai bên đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Ngọc N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2022 là 51.736.479 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08/2016/7853944/HĐTD ngày 26/01/2016 mà hai bên đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Ngọc N mặc dù có nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nhưng khi ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng ông N

đang công tác tại Công an phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên địa chỉ 485 N..., khu phố ..., phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên nguyên đơn được quyền yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 26/01/2016, giữa Ngân hàng TMCP...gọi tắt: Ngân hàng) và ông Lê Ngọc N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 08/2016/7853944/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho ông N vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 26/01/2016), mục đích vay: mua sắm thiết bị gia đình; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng 01 lần kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên (vào ngày 01 của tháng điều chỉnh) theo nguyên tắc bằng lãi suất của Ngân hàng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất hiện hành: 10,5%/năm. Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng tự điều chỉnh lãi suất mà không cần phải thông báo cho bên vay. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi vay, ông N đã trả được 07 tháng tiền nợ gốc và lãi, tính đến ngày 10/8/2016 do ông N không trả nợ như cam kết nên số tiền vay chuyển sang nợ quá hạn. Nhiều lần Ngân hàng liên hệ ông N để yêu cầu trả nợ nhưng ông N cố tình né tránh và không trả nợ, tính đến ngày 20/6/2022 ông N còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 51.736.479 đồng, trong đó nợ gốc là 26.950.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.154.258 đồng, nợ lãi quá hạn 5.630.221 đồng. ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông N phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền còn nợ là 51.736.479 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 08/2016/7853944/HĐTD ngày 26/01/2016 mà hai bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng

Buộc bị đơn ông Lê Ngọc N phải trả cho Ngân hàngtổng cộng số tiền 51.736.479 đồng (*năm mươi một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*) trong đó nợ gốc là 26.950.000 đồng (*hai mươi sáu triệu chín trăm*

năm mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 19.154.258 đồng (mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn 5.630.221 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm hai mươi một đồng) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/6/2022), ông Lê Ngọc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Lê Ngọc N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Ngọc N phải chịu 2.586.823 đồng (*hai triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng ...số tiền tạm ứng án phí 1.229.000 đồng (*một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004979 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang